

Bản án số: 160/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sáu;
2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Thu H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Quan Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Quan Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2012 tại UBND xã T, huyện C. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn B, xã T, huyện C. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị H đã làm đơn xin ly hôn anh T năm 2018, được Tòa án hòa giải chị H đã rút đơn ly hôn để chung sống cùng anh T. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Nguyên nhân do chị H và anh T không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị H và anh T đã sống ly thân từ

năm 2024 đến nay. Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị H xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có ba con chung là Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012, Quan Ngọc D1, sinh ngày 23/01/2019, Quan Thế B, sinh ngày 18/5/2022. Khi ly hôn chị H nhất trí để anh T nuôi cháu D, chị H sẽ nuôi cháu D1 và cháu B. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu B là 500.000 đồng một tháng đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án anh Quan Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Triệu Thị Thu H được tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện C. Sau khi kết hôn anh T, chị H chung sống tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh T thấy vợ chồng vẫn chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, không có vấn đề gì phát sinh cho đến cuối tháng 02/2025 anh T nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa gửi mới biết việc chị H làm đơn xin ly hôn anh T. Anh T không biết lý do vì sao chị H xin ly hôn với anh T, hai bên gia đình cũng không nắm được sự việc trên. Anh T, chị H không sống ly thân với nhau cho đến cuối tháng 02 năm 2025 khi chị H làm đơn xin ly hôn thì có chuyển đến nhà ngoại tại xã T, huyện C để sinh sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng của anh T đối với chị H vẫn còn, anh T không muốn ly hôn, mong muốn chị H suy nghĩ lại, rút đơn để quay lại đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh T, chị H có ba con chung là Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012, Quan Ngọc D1, sinh ngày 23/01/2019 và Quan Thế B, sinh ngày 18/5/2022. Nếu chị H cương quyết ly hôn với anh T thì anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Triệu Thị Thu H giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Quan Văn T; về con chung: Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D1 và cháu B, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D1 là 500.000đ/tháng đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi; yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị H không cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu D cùng anh T; về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Quan Văn T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bổ sung tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều

143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Triệu Thị Thu H, cho chị H được ly hôn với anh Quan Văn T. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung của chị H; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ và yêu cầu trực tiếp nuôi cháu D1, cháu B của anh T.

- Về con chung: Xét mức thu nhập của chị H, anh T và các điều kiện về nơi ở, nơi làm việc của chị H, anh T và đề đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012 cho anh Quan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quan Ngọc D1 và cháu Quan Thế B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Triệu Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Quan Văn T; anh Quan Văn T thường trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Thu H, anh Quan Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn B, xã T, huyện C cho thấy: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn và chung sống tại thôn Bản Chằng, xã T, đến cuối năm 2024 đại diện thôn biết được chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn do anh T nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng xảy ra xô xát. Khi mâu thuẫn xảy ra chị H và anh T không đề nghị tổ hòa giải của thôn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng trên tinh thần trách nhiệm nên bà Quân Thị H1 trưởng thôn có đến khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, hiện nay chị H đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện C.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn khiến hôn nhân giữa chị H, anh T không còn hạnh phúc, chị H và anh T đã sống ly thân với nhau, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh T không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Triệu Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh Quan Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T đã không thể khắc phục, chị H đã không còn quan tâm, chăm sóc, cho cuộc sống chung giữa chị H và anh T, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Thu H, cho chị Triệu Thị Thu H được ly hôn với anh Quan Văn T; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Quan Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Triệu Thị Thu H và anh Quan Văn T có ba con chung là Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012, Quan Ngọc D1, sinh ngày 23/01/2019 và Quan Thế B, sinh ngày 18/5/2022, chị H nhận nuôi cháu D1 và cháu B, đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D1 là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện nuôi dưỡng con của chị H, anh T thấy rằng: Anh Quan Văn T hiện đang làm ruộng và làm thợ xây, với mức thu nhập bình quân khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng, chị H hiện đang là giáo viên mầm non tại xã T có thu nhập 15.998.936đ/tháng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của người chưa thành niên cháu Quan Nhật D có nguyện vọng được ở với anh Quan Văn T. Chị H có thu nhập ổn định, xét thấy các cháu D1, B còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển cả về thể chất, tinh thần và thuận tiện cho việc học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012 cho anh Quan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Quan Ngọc D1, sinh ngày 23/01/2019 và Quan Thế B, sinh ngày 18/5/2022 cho chị Triệu Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, do vậy không chấp nhận

yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1, cháu B của anh T là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Thị Thu H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D1 là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay chị H là giáo viên mầm non, có thu nhập cao và ổn định hơn anh T. Anh T là lao động tự do và làm ruộng, anh T được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

Anh Quan Văn T, chị Triệu Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị H, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị Thu H và anh Quan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*. Chị Triệu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Triệu Thị Thu H, cho chị H được ly hôn với anh Quan Văn T. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung của chị H; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ và yêu cầu trực tiếp nuôi cháu D1, cháu B của anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị Thu H được ly hôn với anh Quan Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 05/7/2012 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Quan Nhật D, sinh ngày 05/6/2012 cho anh Quan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Quan Ngọc D1,

sinh ngày 23/01/2019 và Quan Thế B, sinh ngày 18/5/2022 cho chị Triệu Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Anh Quan Văn T, chị Triệu Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau ly hôn, chị Triệu Thị Thu H, anh Quan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Triệu Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Chị Triệu Thị Thu H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003033946 ngày 21/02/2025 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T1 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000785, ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Triệu Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Quan Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Quan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tân Mỹ (nơi ĐKKH);
- Cơ quan THADS;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Sáu

Triệu Thị Yên

Đào Thị Bích Ngọc

